TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số:54/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08/7/2022
V/v " Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Động

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: *Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc *" Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm: 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã Thạnh Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: ấp B, xã T, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

2/. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh Sơn, (Hải) sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2022 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Thanh S chung sống với nhau năm 2005, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S đam mê cờ bạc, sống với người đồng tính, chị G có khuyên ngăn anh S từ bỏ cờ bạc để về chăm lo cho gia đình nhưng anh S vẫn không thay đổi. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng và không thể hòa giải.

Nay, chị G xét thấy tình cảm chung của vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 16/03/2011 hiện nay các con đang ở chung với chị G.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị G yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

- Về con chung: Chị G yêu cầu được nuôi con tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 16/03/2011 không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt, hợp lệ giấy triệu tập cho anh Nguyễn Thanh S tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh S đều không có mặt và không có lời trình bày.

Theo biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 19/5/2022 của Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 16/03/2011 thì hai cháu có nguyện vọng ở với mẹ Nguyễn Thị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Thanh S đang cư trú ấp B, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng

dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Thanh S tự nguyện xác lập mối quan hệ hôn nhân từ năm 2005 tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35 ngày 09-6-2000 Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định "Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ". Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con… thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của vợ chồng chị G và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống chị G và anh S luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù anh chị đã nhiều lần cố gắn nếu kéo nhưng không mang lại kết quả và anh chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Đồng thời hôn nhân của anh chị có vi phạm về mặt hình thức, nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Thanh S.

[4] Về con chung: Chị Gìn, xác nhận có hai con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 16/03/2011 hiện nay cháu T và cháu K đang ở với chị G. Chị G yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu anh Sơn cấp dưỡng nuôi nuôi con. Theo nguyện vọng cháu T và K hai cháu xin được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị G tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 16/03/2011 cho chị Nguyễn Thị G tiếp tục, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh Sơn không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 271, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; các Điều 57, 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06- 01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Quốc K sinh ngày 16/03/2011 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh S không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không

xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo lai thu số: 0006294 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh S quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ